



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn PAN

Ngày 30/09/2025	31,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.5%	12.1%	19.5%

DT thuần Q3/25
5,138
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,111 27.6%
YoY: ▲ 54.0 1.1%

LN thuần Q3/25
304
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 6.00 -1.9%
YoY: ▼ 60.0 -16.5%

LN sau thuế Q3/25
266
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00 0.9%
YoY: ▼ 78.0 -22.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
7.7%
YoY: +/- ▼ 3.4%

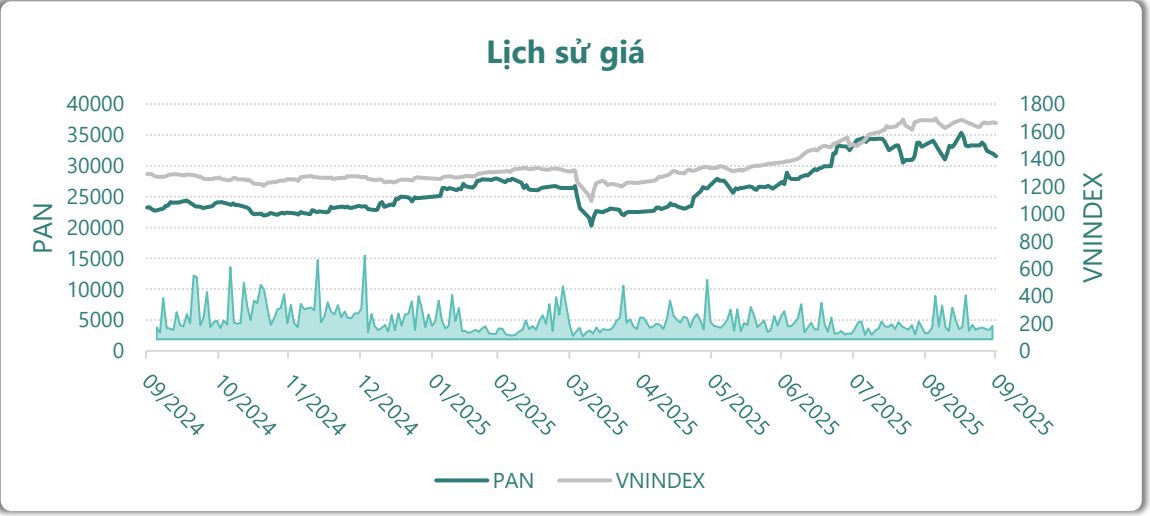
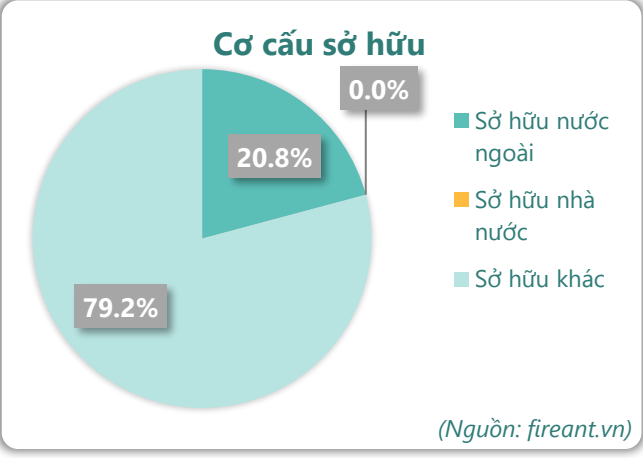
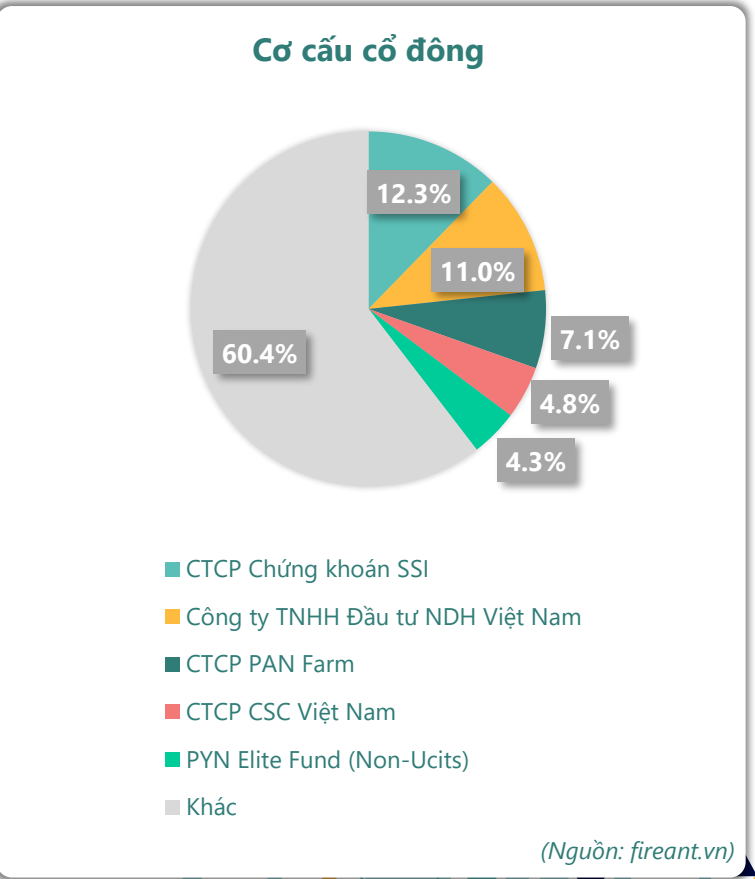
ROE (TTM) Q3/25
7.3%
YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	20,299 - 35,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,593
Số lượng CPLH (CP)	208,958,750
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,909,435
Sở hữu nước ngoài	20.8%
Beta	0.93
EPS	3,034
P/E	10.4

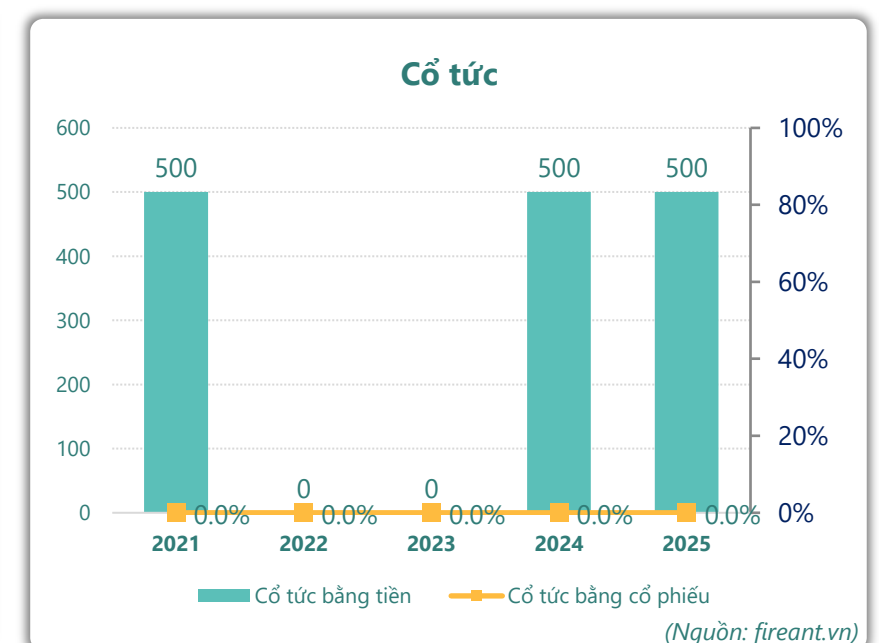
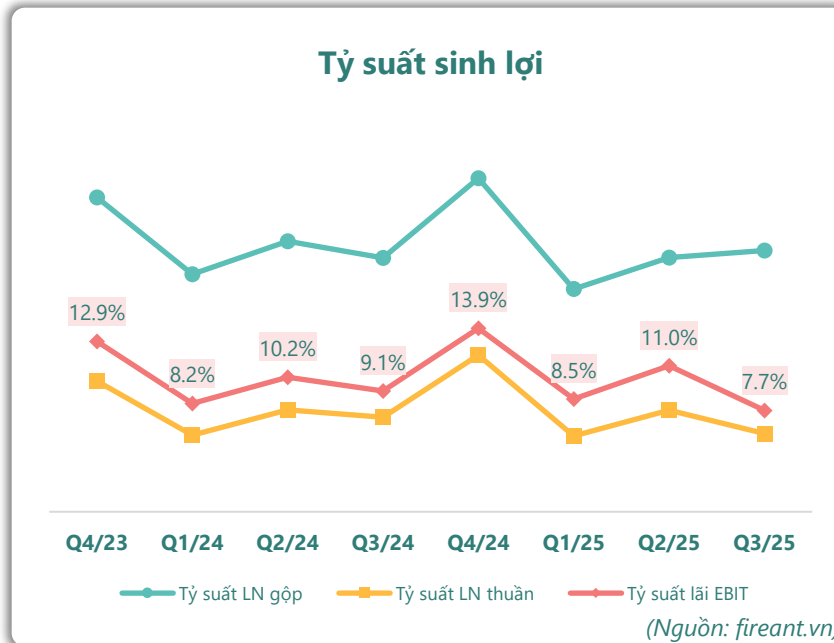
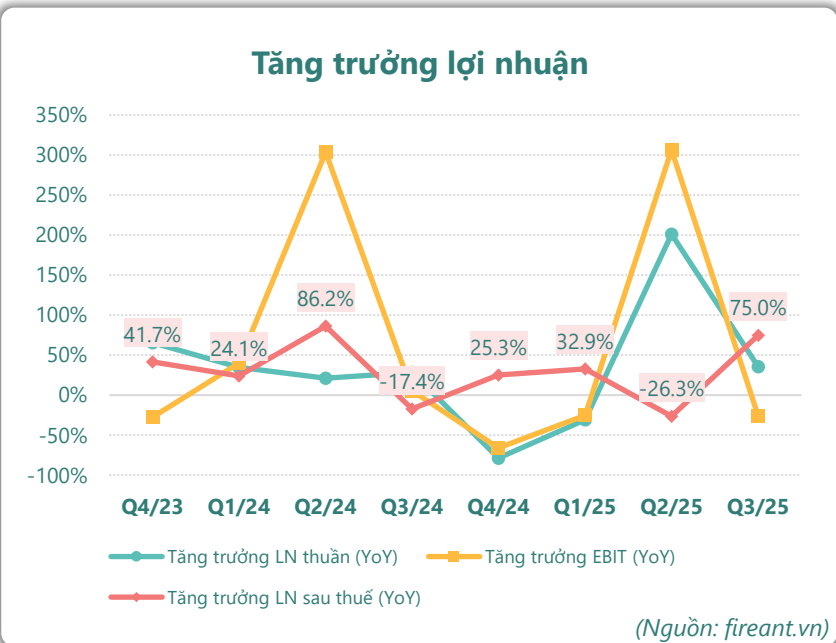
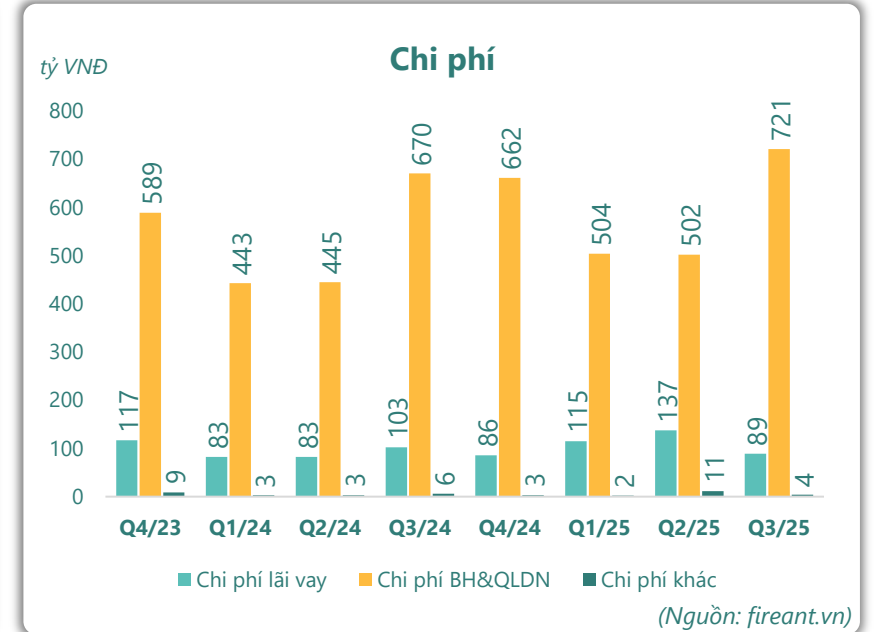
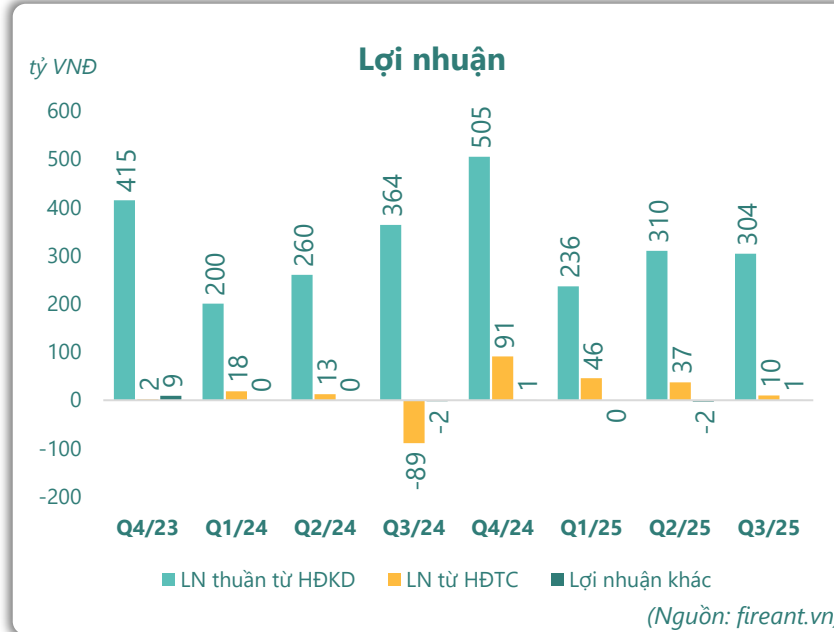
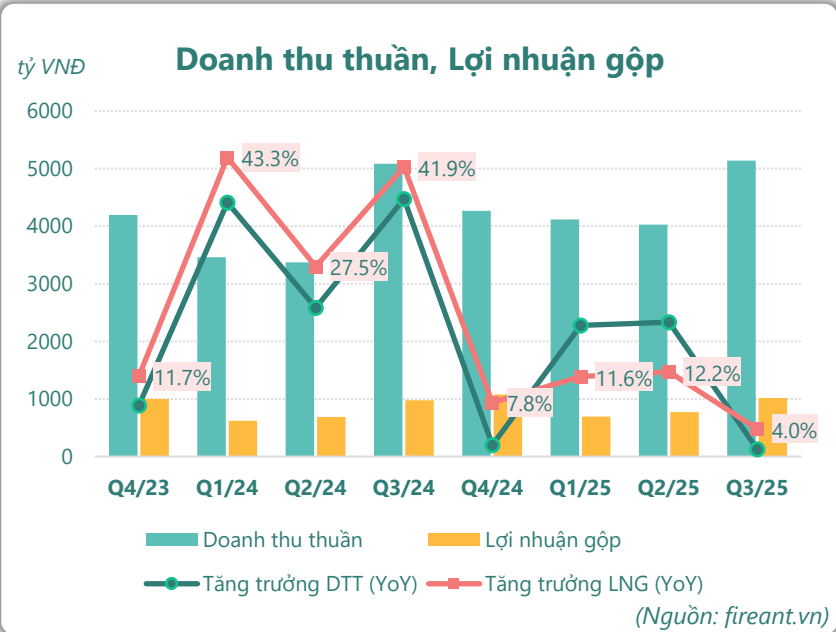
DT thuần 9T 2025
13,285
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,368 11.5%

LN thuần 9T 2025
850
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0 3.1%

LN sau thuế 9T 2025
724
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00 0.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH

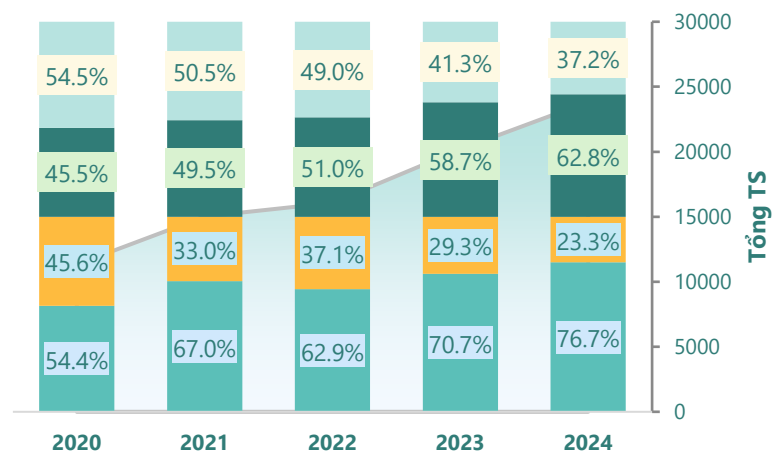




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

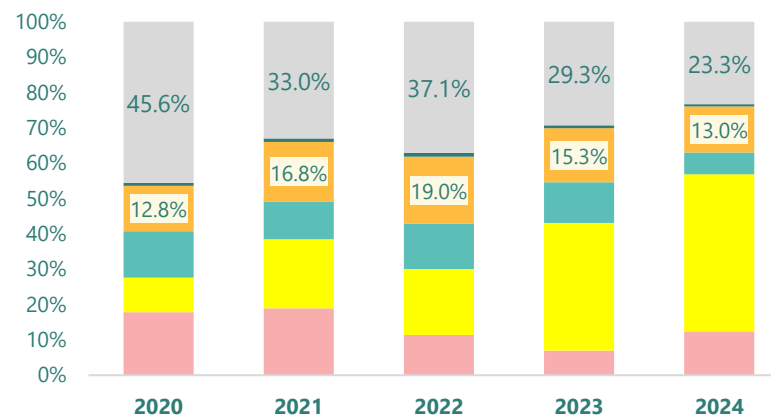
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

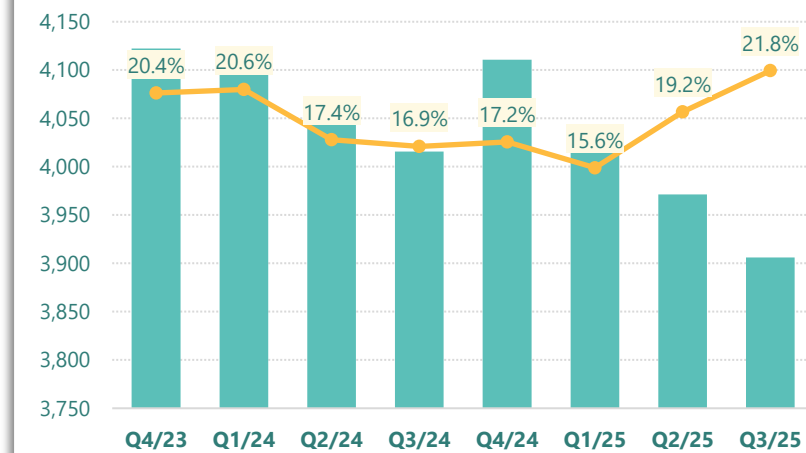


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

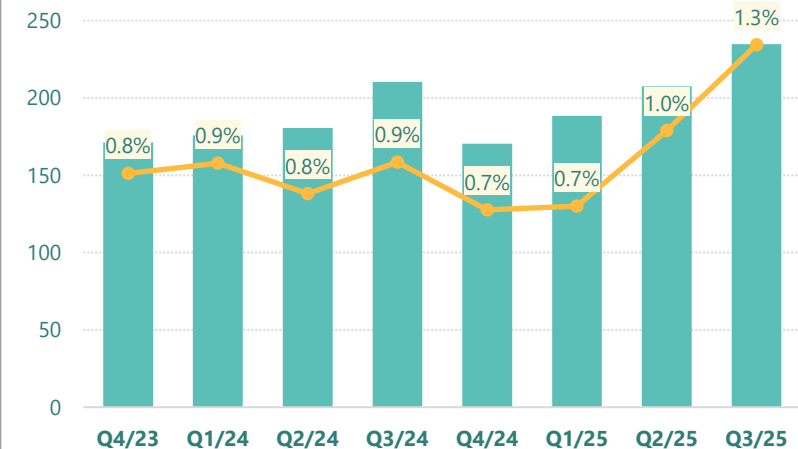


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

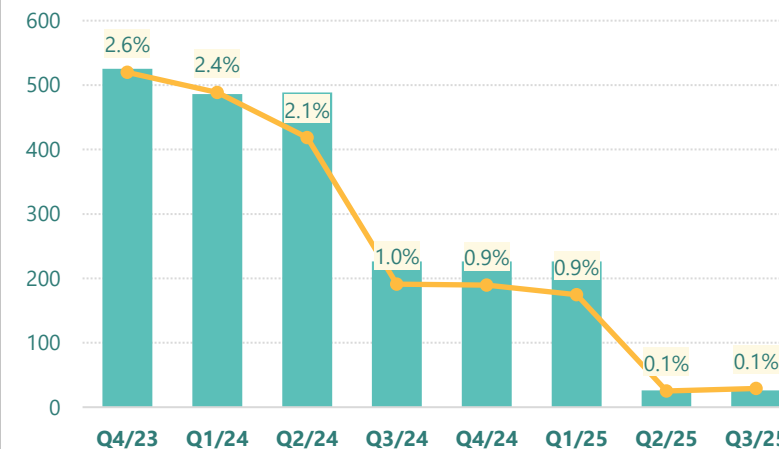


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

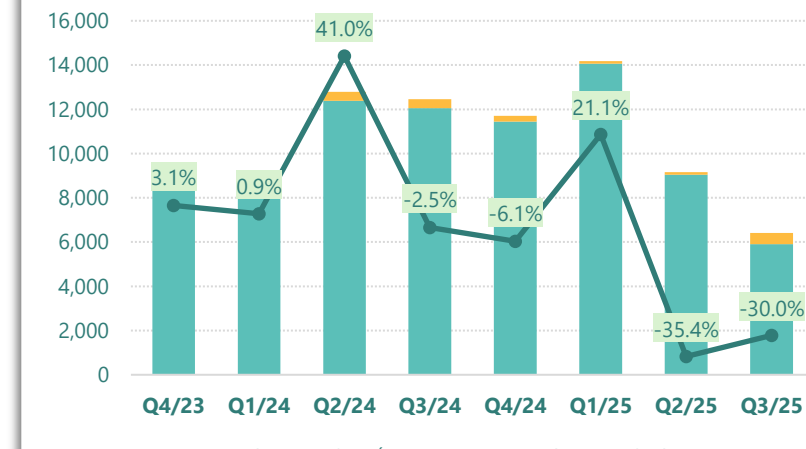


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

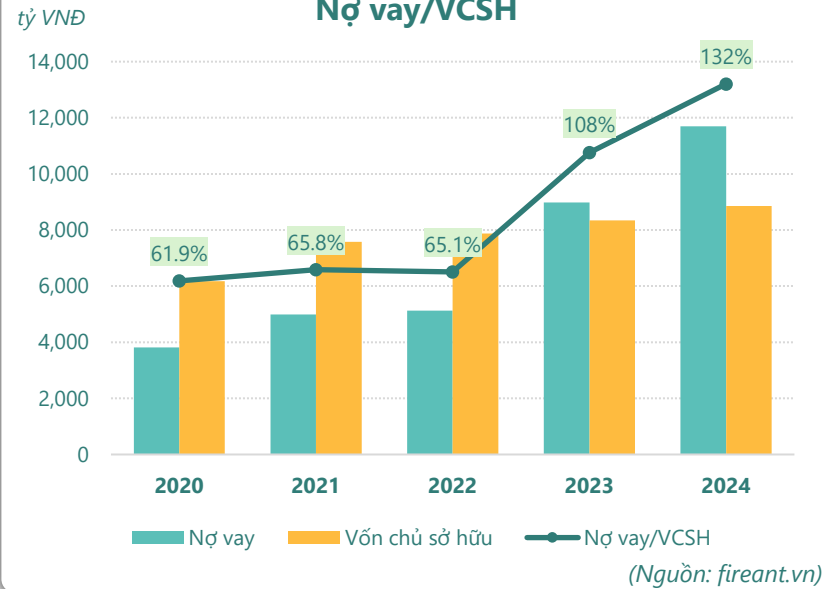
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

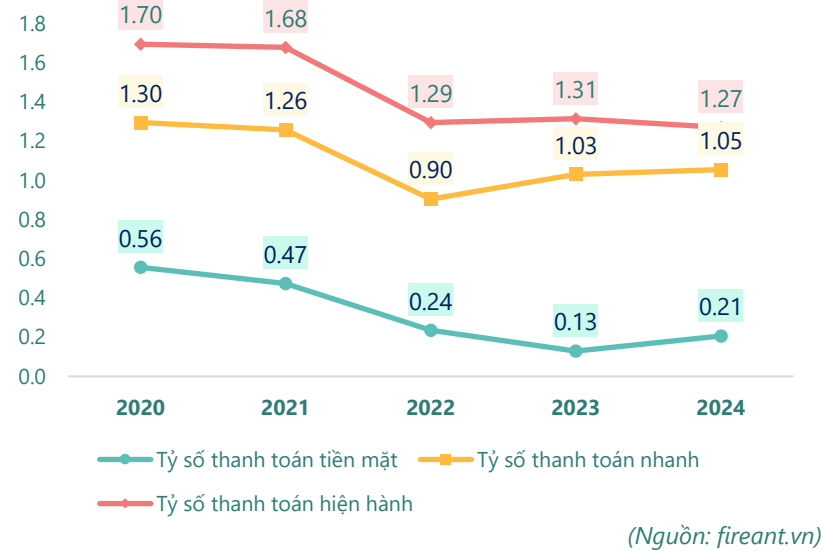


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

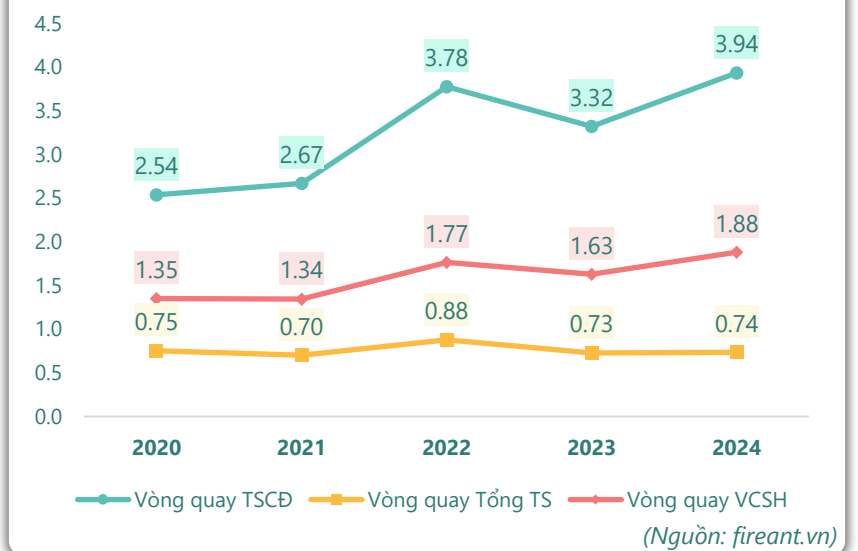
Nợ vay/VCSH



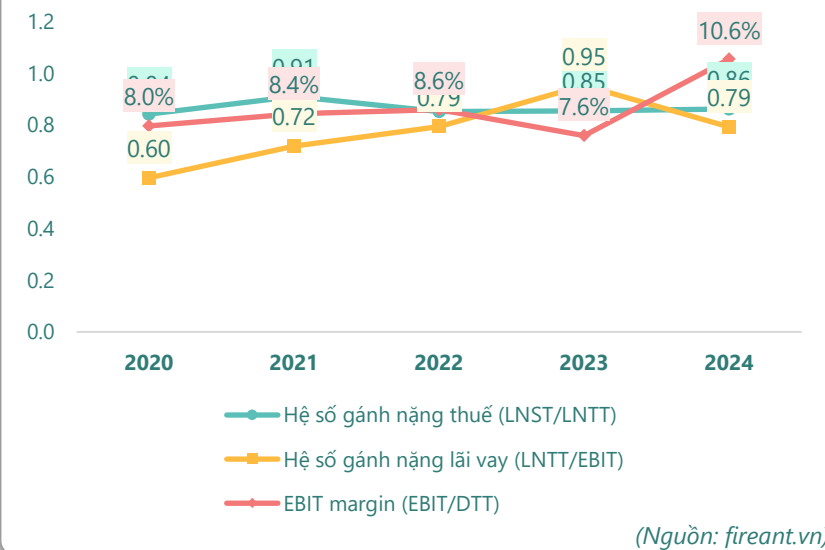
Chỉ số thanh khoản



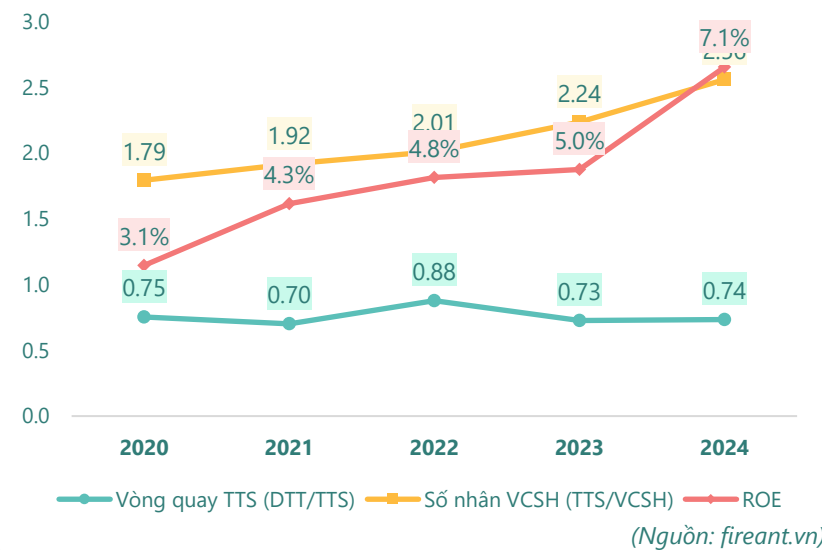
Vòng quay tài sản



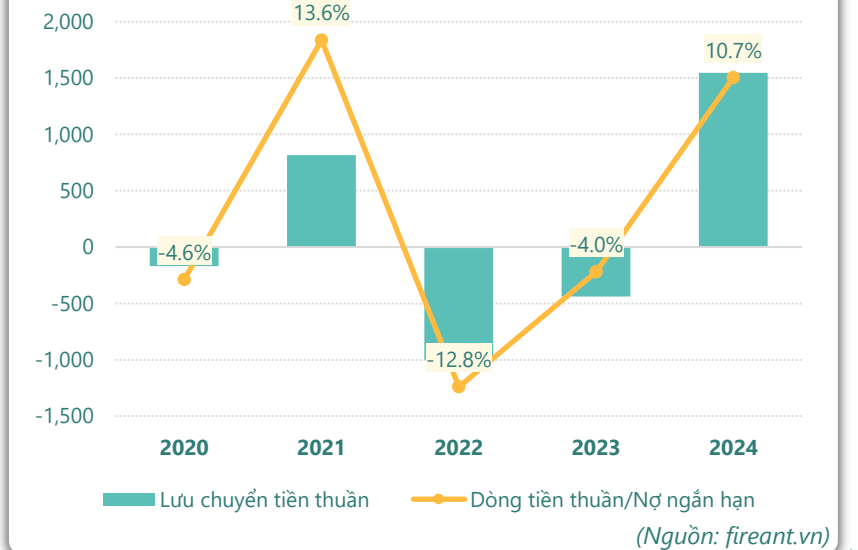
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5,138	5,084	1.1%	13,285	11,917	11.5%
Giá vốn hàng bán	4,123	4,108	0.4%	10,801	9,629	12.2%
Lợi nhuận gộp	1,015	976	4.0%	2,483	2,288	8.5%
Doanh thu HĐTC	134	154	-12.9%	535	398	34.2%
Chi phí TC	124	243	-48.9%	442	456	-3.3%
Chi phí lãi vay	89.1	103	-13.5%	342	268	27.5%
LN trong công ty LKLD	0	147	-100%	0	152	-100%
Chi phí bán hàng	565	529	6.9%	1,259	1,089	15.6%
Chi phí QLDN	156	142	9.7%	468	470	-0.3%
LN thuần từ HĐKD	304	364	-16.5%	850	824	3.1%
Lợi nhuận khác	0.83	-2.07	140%	-1.59	-1.72	7.4%
LN trước thuế	305	361	-15.6%	848	822	3.2%
Lợi nhuận sau thuế	266	344	-22.6%	724	720	0.5%
LNST của CĐ cty mẹ	156	187	-16.5%	403	363	10.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4,249	617	2,574	-2,886	5,120	3,342
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.8	-117	360	-209	330	-194
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,614	-383	-1,163	2,386	-5,114	-2,998
Tiền đầu kỳ	1,754	1,097	1,203	2,959	2,250	2,599
Lưu chuyển tiền thuần	-667	117	1,771	-709	336	150
Ảnh hưởng tỷ giá	10.2	-10.2	0	0	12.7	-12.7
Tiền cuối kỳ	1,097	1,203	2,974	2,250	2,599	2,736

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	17,887	23,841	-25.0%
Tài sản ngắn hạn	12,676	18,283	-30.7%
Tiền và tương đương tiền	2,736	2,959	-7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,569	10,604	-66.3%
Phải thu ngắn hạn	2,344	1,463	60.2%
Hàng tồn kho	3,771	3,107	21.4%
Tài sản ngắn hạn khác	255	149	70.6%
Tài sản dài hạn	5,210	5,558	-6.2%
Phải thu dài hạn	24.3	8.45	188%
Tài sản cố định	3,906	4,101	-4.8%
Bất động sản đầu tư	415	418	-0.6%
Tài sản dở dang	235	181	29.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	226	-88.5%
Tài sản dài hạn khác	545	545	0.0%
Lợi thế thương mại	59.5	78.6	-24.3%
Nợ phải trả	9,231	14,981	-38.4%
Nợ ngắn hạn	8,348	14,392	-42.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,901	11,493	-48.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,016	524	93.8%
Nợ dài hạn	883	589	49.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	512	207	148%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,655	8,859	-2.3%
Vốn chủ sở hữu	8,655	8,859	-2.3%
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

